

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tất Kề

Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M; nơi cư trú: Số 14/2/28 HĐ 2, phường ĐH 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngụy Văn T; nơi cư trú: Số 14/2/28 HĐ 2, phường ĐH 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2021, bản tự khai nguyên đơn là chị Đỗ Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Ngụy Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định vào ngày 10/4/2015. Quá trình chung sống: Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không cùng

quan điểm về cách dạy con và trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nhiều lần vợ chồng anh chị ngồi lại nói chuyện tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng khuyên giải nhưng không có kết quả. Đến nay vợ chồng anh chị không thể sống hạnh phúc hòa thuận được với nhau. Thời gian gần đây anh T thường xuyên uống rượu say chửi bới chị, nhiều lần uy hiếp cả về thể chất lẫn tinh thần, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị M. Chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thanh TG, sinh ngày 08/4/2016. Cháu còn nhỏ, chị có công việc làm giờ hành chính, thu nhập ổn định nên có thời gian và điều kiện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con. Anh T làm nghề lái xe nên thường xuyên đi làm xa, giờ giấc đi về thất thường (có khi 2 đến 3 ngày mới về nhà), thường xuyên uống rượu say không tỉnh táo nên anh T không đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) kể từ thời điểm ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị M đề nghị anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T xác nhận về việc kết hôn như chị M đã trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh vợ chồng không có xung đột gì lớn. Cuối năm 2020, anh phát hiện tin nhắn lạ của người đàn ông làm cùng công ty với chị M, gọi điện thoại đến khiến anh bức xúc và có chửi vợ, đập phá đồ đạc trong nhà nhưng anh không đánh vợ. Anh T xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, trong lúc nóng giận cả hai có xúc phạm, mạt sát lẫn nhau. Hiện nay, anh chị sống cùng một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, có cuộc sống sinh hoạt riêng. Anh thấy cuộc sống vợ chồng hiện tại không còn hạnh phúc nhưng anh muốn duy trì cuộc sống hôn nhân đến lúc con vào lớp 1 sẽ tính đến chuyện ly hôn sau nên thời điểm này chị M yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận chị M trình bày về con chung là đúng. Trường hợp chị M nhất quyết ly hôn và đòi nuôi con, anh có quan điểm như sau: Chị M tuy có công việc ổn định nhưng thu nhập thấp, đồng thời tình hình nóng nảy nên chị M không đủ điều kiện nuôi con. Bản thân anh làm nghề lái xe tự do, không ký hợp đồng cố định với công ty nào, thu nhập bình quân hơn 20.000.000đồng/tháng. Do tính chất công việc, thời gian đi lại thất thường, đi sớm, về muộn, có khi phải chạy đường dài nên hiện tại việc chăm sóc, việc đưa đón con đi học cũng như mọi sinh hoạt hầu hết đều do một mình chị M trực tiếp đảm nhận. Hàng tháng anh vẫn đưa tiền sinh hoạt cho chị M khoảng 20.000.000đồng. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án

cho anh được nuôi con do anh có thu nhập cao hơn, anh sẽ thuê người về chăm sóc cháu. Anh không yêu cầu chị M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ không tin tưởng chị M nên thường xuyên cãi nhau. Anh T xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng anh muốn duy trì cuộc sống hôn nhân đến lúc con vào lớp 1 sẽ tính đến chuyện ly hôn sau nên anh không đồng ý ly hôn. Lý do anh T không đồng ý ly hôn là không có căn cứ chấp nhận, Do vậy cần xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Về con chung: Hiện nay con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thanh TG, sinh ngày 08/4/2016 do một mình chị M chăm sóc về mọi mặt. Chị M và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét điều kiện cả chị M và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, thời gian của anh T đi sớm về muộn, anh T sẽ thuê người chăm sóc con chung là không có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung là cháu TG cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T, cụ thể: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng/tháng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị M và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh

Nguyễn Văn T đang cư trú tại số 14/2/28 HĐ 2, phường ĐH 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị không còn tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã, xúc phạm, mạt sát lẫn nhau. Hiện nay, anh T và chị M sống cùng một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, có cuộc sống sinh hoạt riêng. Cả hai anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhưng anh T không muốn ly hôn vì muốn duy trì cuộc sống như hiện tại đến lúc con chung vào lớp 1 sẽ tính chuyện ly hôn sau. Nhưng chị M nhất quyết ly hôn vì không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Qua xác minh tại địa phương và đại diện gia đình thể hiện: Trong cuộc sống thường ngày anh T và chị M hay xảy ra cãi vã to tiếng, vài lần hàng xóm phải can ngăn tránh xung đột. Gia đình cũng đã khuyên giải cả hai nhưng mâu thuẫn vẫn ngày một trầm trọng. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị sống cùng một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, có cuộc sống sinh hoạt riêng không ai quan tâm đến ai, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Lý do không đồng ý ly hôn mà anh T đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thanh TG, sinh ngày 08/4/2016. Xét về điều kiện chăm sóc con chung: Anh T và chị M đều có điều kiện chăm sóc con chung. Anh T làm nghề lái xe tự do, thu nhập hơn 20.000.000đồng/tháng nhưng tính chất công việc anh thường đi sớm về muộn, thời gian thất thường, có khi đi 2 đến 3 ngày mới về nhà. Anh T có nguyện vọng nuôi con nhưng không trực tiếp chăm sóc được mà sẽ thuê người để chăm sóc con. Chị M có công việc ổn tại Công ty cổ phần Hóa chất Miền Bắc và thu nhập ổn định 6.000.000đồng/tháng, thời gian làm việc giờ hành chính. Anh T cũng xác nhận từ trước đến nay, việc chăm sóc con cũng như mọi việc đưa đón đi học, sinh hoạt hàng ngày của con đều do chị M đảm nhiệm, tuy nhiên anh cho rằng chị M thu nhập thấp hơn anh nên không đủ điều kiện để nuôi con, còn anh sẽ thuê người giúp việc chăm con là không có cơ sở chấp nhận. Xét cháu TG còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ cũng như chăm sóc trực tiếp của cả bố mẹ. Xét

điều kiện nuôi dưỡng con chung để đảm bảo cho con chung có cuộc sống tốt nhất. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi: Xét yêu cầu của chị M đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đồng/tháng. Xét thỏa thuận của anh T chị M tại phiên tòa hôm nay là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Đỗ Thanh TG, sinh ngày 08/4/2016 cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T về việc cấp dưỡng nuôi con, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng đến khi cháu TG đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018055 ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Tất Kê

Phạm Thị Yến

Nguyễn Thị Hằng

